TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/10/2018

"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Lê

2. Bà Triệu Thị Ánh Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Phan Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc

(*Bà T, ông T có mặt; ông M vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà

Dương Thị Tâm trình bày: Bà T và ông Phạm Văn M chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Trong quá trình chung sống ông M không quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của vợ con, đến năm 2015 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong quá trình ly thân ông M đã sống cùng với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tvà ông M ly hôn.

Về con chung: bà T, ông M có 04 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh năm 1997; cháu Phạm Thị T, sinh năm 1999; cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 19/11/2001; cháu Phạm Thị D, sinh ngày 14/3/2009. Đối với các cháu H, T đã đủ tuổi trưởng thành, riêng cháu H1, D chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu H1, D, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ngày 02/4/2013 vợ chồng bà T có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000đ để chăn nuôi. Quá trình vay đã trả được 17.000.000đ còn nợ 8.000.000đ tuy nhiên bà T và ông M thỏa thuận số nợ trên ông M có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Phạm Văn M trình bày: Về quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn ông M thừa nhận lời trình bày của bà Tâm là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông M đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh năm 1997; cháu Phạm Thị T, sinh năm 1999; cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 19/11/2001; cháu Phạm Thị D, sinh ngày 14/3/2009. Đối với các cháu H, T đã đủ tuổi trưởng thành, riêng các cháu H1, D chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn ông M đồng ý giao các cháu H1, D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung

Về nợ chung: Ngày 02/4/2013 vợ chồng bà T có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Cát Tiên số tiền 25.000.000đ để chăn nuôi. Quá trình vay đã trả được 17.000.000đ còn nợ 8.000.000đ tuy nhiên bà T và ông M thỏa thuận số nợ trên ông M có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C trình bày: Ngày 02/4/2013 vợ chồng bà T có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Cn số tiền 25.000.000đ để chăn nuôi. Quá trình vay đến ngày 25/02/2018 bà T, ông M đã trả được 17.000.000đ còn nợ 8.000.000đ, nay vợ chồng ông M, bà T ly hôn, khoản nợ trên đã quá hạn nên Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu vợ chồng ông M, bà T phải có trách nhiệm trả số nợ 8.000.000đ cùng lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng.

Tại phiên tòa:

Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị H1, Phạm Thị D; không đồng ý cùng ông M trả nợ cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu ông M, bà T trả số tiền 8.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27, 30, 37, 51, Điều 56, 60, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Dương Thị T được ly hôn ông Phạm Văn M; giao con chung Phạm Thị H1, Phạm Thị D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; bà T, ông M đều khai vợ chồng không có tài sản chung nên không giải quyết; về nợ chung: buộc ông M, bà T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 8.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng; bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bà T, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà Dương Thị T xin ly hôn với với ông Phạm Văn M; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"* theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M tham gia phiên tòa nhưng ông M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Phạm Văn M tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C đăng ký kết hôn ngày 18/9/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T xin ly hôn vì lý do ông M không chăm lo cuộc sống cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2015 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, ông M cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã xảy ra các bên không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng mà để mặc mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn

quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống như vậy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông M không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: bà T, ông M có 04 con chung là cháu Phạm Thị H, sinh năm 1997; cháu Phạm Thị T, sinh năm 1999; cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 19/11/2001; cháu Phạm Thị D, sinh ngày 14/3/2009. Đối với các cháu H, T đã đủ tuổi trưởng thành, riêng cháu H1, D chưa đủ 18 tuổi, cháu H1, cháu D có nguyện vọng ở với mẹ đồng thời bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, D, ông M cũng đồng ý theo yêu cầu của bà T, vì vậy giao cháu H1, D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: bà T và ông M đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ngày 02/4/2013 vợ chồng bà T có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000đ để chăn nuôi. Quá trình vay đến ngày 25/02/2018 bà T, ông M đã trả được 17.000.000đ còn nợ 8.000.000đ, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu vợ chồng ông M, bà T phải có trách nhiệm trả số nợ 8.000.000đ cùng lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng, bà T và ông M không đồng ý mà thỏa tự thỏa thuận để ông M trả số nợ trên. Tuy nhiên Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C không đồng ý với sự thỏa thuận giữa ông M và bà T. Xét yêu cầu của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C là có căn cứ bởi lẽ tuy hợp đồng vay vốn tuy do ông M đứng tên nhưng tại thời điểm xác lập hợp đồng ông M, bà T là vợ chồng, mục đích vay vốn là mua bò nuôi sinh sản để tăng thu nhập của gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Cát Tiên buộc ông M, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 8.000.000đ cùng lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng trong đó phần bà T là 4.000.000đ, phần ông M là 4.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm; ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

[7]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc "Ly hôn" ông Phạm Văn M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Tđược ly hôn ông Phạm Văn M.

[2] Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 19/11/2001; cháu Phạm Thị D, sinh ngày 14/3/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng cho con: bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Buộc bà Dương Thị T, ông Phạm Văn M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 8.000.000đ cùng các khoản lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Trong đó phần của bà Dương Thị T là 4.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh; phần ông Phạm Văn M là 4.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000194 ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng, bà T còn phải nộp 300.000đ; ông M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000204 ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Cát Tiên;
- Chi cục THADS huyện Cát Tiên;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phước Cát;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng